##### UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG

##### TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

# KHOA KHXH&NV

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Môn: **Phân tích diễn ngôn**

*(Discourse Analysis)*

Chương trình đào tạo:

Cử nhân Sư phạm Ngữ văn

#### 

#### **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**Phân tích diễn ngôn**

**Số tín chỉ: 02**

**1. Thông tin chung về môn học**

* Tên môn học: Lý thuyết phân tích diễn ngôn
* Mã môn học: LIN 3055
* Số tín chỉ: 03
* Loại môn học: Bắt buộc
* Môn học tiên quyết: LIN 2033
* Số giờ tín chỉ: 45

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 45

+ Làm bài tập trên lớp: 0

+ Thảo luận:

+ Thực hành, thực tập

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học

- Địa chỉ Khoa/ bộ môn phụ trách môn học: Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học**

***2.1.******Mục tiêu chung:***

- Hiểu về đối tượng nghiên cứu (diễn ngôn, các bộ phận, các đơn vị, các tổ chức bên trong diễn ngôn), các khái niệm về các đối tượng nghiên cứu này, một số vấn đề lý luận, phương pháp trong nghiên cứu các đối tượng đó.

- Làm quen, hiểu và áp dụng được ở mức độ đơn giản một số thao tác phân tích, miêu tả khi nghiên cứu các bộ phận của diễn ngôn.

- Rèn luyện tư duy trừu tượng hóa, tính khách quan và minh xác trong học tập, nghiên cứu, phân tích, miêu tả.

***2.2. Chuẩn đầu ra môn học:***

* + *Kiến thức*
* Nắm được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của phân tích diễn ngôn, ý nghĩa và các hướng nghiên cứu chính trong phân tích diễn ngôn.
* Hiểu được những vấn đề và phương pháp tiếp cận đối với các vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn (giao tiếp và các thành tố của giao tiếp, diễn ngôn/văn bản, phân tích diễn ngôn, phân tích văn bản,,,)
* Hiểu được hệ các vấn đề cần yếu trong phân tích diễn ngôn (các giai đoạn hình thành phân tích diễn ngôn, các yếu tố văn bản và đặc trưng của văn bản, phân biệt các dạng thức văn bản, mạch lạc, liên kết…)
  + *Kỹ năng*
* Biết cách nhận diện và xác lập các tiêu chí phân loại các loại hình diễn ngôn.
* Biết cách vận dụng các kiến thức để phân tích các loại hình diễn ngôn cụ thể.
* Biết cách vận dụng các kiến thức về mạch lạc, về liên kết để khảo sát, phân tích biểu hiện của chúng trong các diễn ngôn cụ thể hoặc xây dựng các kiểu loại mạch lạc, liên kết theo các tiêu chí định sẵn.
* Biết cách vận dụng sự hiểu biết về diễn ngôn, phân tích diễn ngôn vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.
  + *Thái độ*
* Thấy được tính thống nhất và đa dạng của các kiểu loại diễn ngôn. Nhận thức được vai trò của các yếu tố trong văn bản và ngoài văn bản (vai trò của người tham gia giao tiếp, ngữ cảnh, mã ngôn ngữ, chức năng của diễn ngôn…) trong việc tạo nên các đặc trưng của các kiểu loại diễn ngôn.
* Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn những đặc trưng vốn có của tiếng Việt, biết cách cấu tạo hoặc phân tích các kiểu loại diễn ngôn phục vụ mục đích giao tiếp một cách hiệu quả nhất.

**3. Tóm tắt nội dung môn học**

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích diễn ngôn, bao gồm mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn.

**4. Nội dung môn học**

**1. Nội dung 1: Khái lược về phân tích diễn ngôn**

1.1 Sơ lược về ngôn ngữ học văn bản

1.2 Quá trình hình thành phân tích diễn ngôn

1.2.1 Giai đoạn các ngữ pháp văn bản

1.2.2 Giai đoạn phân tích diễn ngôn

1.3 Các cách hiểu và thái độ đối với phân tích diễn ngôn

1.4 Diễn ngôn và văn bản

1.5 Phân tích diễn ngôn và phân tích văn bản.

**2. Nội dung 2: Giao tiếp**

2.1 Định nghĩa giao tiếp

2.2 Các mô hình giao tiếp

2.2.1 Mô hình giao tiếp coi trọng sự tạo lập văn bản

2.2 2 Mô hình giao tiếp coi trọng sự trao đổi

2.3 Chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp

2.3. 1 Chức năng giao dịch (liên giao)

2.3.2 Chức năng liên nhân

**3. Nội dung 3: Diễn ngôn và đặc trưng của diễn ngôn**

3.1 Định nghĩa diễn ngôn

3.2 Đặc trưng của diễn ngôn (yếu tố nội dung, yếu tố cấu trúc, mạch lạc và liên kết, yếu tố chỉ lượng, yếu tố định biên).

3.3. Phân loại diễn ngôn

3.3.1 Theo dạng thức nói và viết

3.3.2 Theo đơn thoại và đối thoại

3.3.3 Theo tính liên tục hay gián đoạn

3.4 Các khuôn hình diễn ngôn

**4. Nội dung 4: Liên kết trong diễn ngôn**

4.1 Định nghĩa về liên kết

4.2 Quy chiếu. Các hướng quy chiếu trong diễn ngôn.

4. 3 Các phương thức và phương tiện liên kết.

4.5 Các phép liên kết

4.5.1 Phép nối

4.5.2 Phép quy chiếu (quy chiếu chỉ ngôi, quy chiếu chỉ định, quy chiếu so sánh)

4.5.3 Phép tình lược

4.5.4 Phép thế (thế bằng đại từ)

4.5.5 Phép liên kết từ vựng (lặp, từ vựng, thế đồng nghĩa, liên tưởng)

**5. Nội dung 5: Mạch lạc trong diễn ngôn**

5.1 Định nghĩa về mạch lạc

5.2 Phân biệt mạch lạc và liên kết

5.3 Các biểu hiện của mạch lạc

5.3.1 Mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa các từ trong câu

5.3.2 Mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa đề tài – chủ đề của các câu

5.3.3 Mạch lạc biểu hiện trong phần nêu đặc trưng ở các câu có quan hệ về nghĩa với nhau.

5.3.4 Mạch lạc biểu hiện trong trật tự hợp lý giữa các câu.

5.3.5 Mạch lạc biểu hiện trong quan hệ của từ ngữ với tình huống bên ngoài văn bản (theo quan hệ ngoại chiếu).

**6. Nội dung 6: Cấu tạo đoạn văn**

6.1 Vị trí của đoạn văn trong cấu tạo hình thức của diễn ngôn

6.2 Đoạn văn trong các kiểu loại diễn ngôn khác nhau.

6.3 Các nguyên tắc cấu tạo đoạn văn.

6.4 Câu chủ đề. Vị trí và chức năng câu chủ đề trong đoạn văn.

6.5 Một số kiểu loại cấu trúc đoạn văn.

**5. Tài liệu phục vụ cho môn học**

***5.1*  *Tài liệu bắt buộc***

1. Diệp Quang Ban: Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản. Nxb Giáo dụ, 2009.

2. Nguyễn Hòa: Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp. Nxb ĐHQGHN, 2003.

5***.2 Tài liệu tham khảo thêm***

1. Brown G., Yule G. Phân tích diễn ngôn (bản dịch tiếng Việt). Nxb Giáo dục, 2008.

2. Diệp Quang Ban. Văn bản. Nxb ĐHSP. 2005.

3. Moskanskaja O.I: Ngữ pháp văn bản (Bản dịch tiếng Việt của Trần Ngọc Thêm), Nxb Giáo dục, 1996.

4. Nunan Davit: Dẫn nhập phân tích diễn ngôn (Bản dịch tiếng Việt của Hồ Mỹ Huyền và Trúc Thanh), 1997.

5. Nguyễn Thị Việt Thanh: Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt. Nxb Giáo dục, 1999.

6. Trần Ngọc Thêm: Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. Nxb Giáo dục, 1999.

**6. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể**

| ***Tuần*** | ***Nội dung***  ***bài học*** | ***Nội dung chi tiết***  ***của bài học*** | ***Hình thức dạy học*** | ***Yêu cầu đối với người học*** | ***Tài liệu***  ***cần đọc*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Khái lược về phân tích diễn ngôn**    1.2. | -Hiểu được sơ lược về ngôn ngữ học văn bản  -Nhớ và hiểu được quá trình hình thành khái niệm phân tích diễn ngôn  - Nắm được đặc điểm chung của giai đoạn các ngữ pháp văn bản và những trường phái tiêu biểu.  - Hiểu được đặc điểm của giai đoạn phân tích diễn ngôn và những trường phái, quan điểm tiêu biểu.  -Biết cách phân biệt văn bản và diễn ngôn, phân tích diễn ngôn và phân tích văn bản. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV |  |
| 2 | **Vấn đề Giao tiếp** | - Hiểu định nghĩa giao tiếp, chức năng và vai trò của các yếu tố cấu thành một hoạt động giao tiếp.  - Hiểu rõ các mô hình giao tiếp với những đặc điểm cơ bản của từng loại và khả năng xuất hiện trong từng kiểu loại diễn ngôn.  - Nắm được hai chức năng cơ bản của ngôn ngữ trong giao tiếp và khả năng hoạt động trong từng kiểu loại diễn ngôn. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | Q4: 88-112. Bài tập 4, 5, 6, 7, 8, 9 tr. 99- 104. Bài tập số 1, 2, 3, 4 tr. 111 – 118.  Q3 tr. 124 – 140. Bài tập tr. 128- 131; 133-134 |
| 3 | **Diễn ngôn và đặc trưng của diễn ngôn** | - Hiểu và nhớ được địịnh nghĩa diễn ngôn.  -Hiểu được 6 đặc trưng của diễn ngôn (yếu tố nội dung, yếu tố cấu trúc, mạch lạc và liên kết, yếu tố chỉ lượng, yếu tố định biên).  - Hiểu và có khả năng ứng dụng trong việc phân loại diễn ngôn theo các cách tiếp cận khác nhau (Theo dạng thức nói và viết, đơn thoại và đối thoại, tính liên tục hay gián đoạn, theo khuôn hình diễn ngôn) | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và làm bài tập thực hành theo yêu cầu của GV | Q.3: 11 – 35. Bài tập 1, 2, 3,4, 5 tr. 16 - 20 |
| 4 | **Liên kết trong diễn ngôn** | - Hiểu được định nghĩa về liên kết, các đơn vị liên kết, hiện tượng liên kết nội hướng và liên kết ngoại hướng.  - Nắm được các hướng quy chiếu trong diễn ngôn.  - Nhớ được định nghĩa, hiểu được bản chất và biết cách ứng dụng đối với từng phương thức liên kết cụ thể:  + Phép nối  + Phép quy chiếu (quy chiếu chỉ ngôi, quy chiếu chỉ định, quy chiếu so sánh)  trong văn bản. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và thực hành theo yêu cầu của GV | Q1: 73 - 91 |
| 5 | **Liên kết trong diễn ngôn (tiếp)** | Nhớ được định nghĩa, hiểu được bản chất và biết cách ứng dụng đối với từng phương thức liên kết cụ thể:  + Phép tình lược  + Phép thế (thế bằng đại từ)  + Phép liên kết từ vựng (lặp, từ vựng, thế đồng nghĩa, liên tưởng)  -Nắm được các thao tác phân tích các hiện tượng liên kết,  - Chữa được các lỗi sai về liên kết trong văn bản.  - Hiểu được mối quan hệ giữa các phương thức liên kết trong văn bản. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và thực hành theo yêu cầu của GV | Q.1: 111-128,  Q2: Bài tập 139-171 |
| 6 | **Ôn tập và kiếm tra giữa kỳ** | | | | |
| 7 | **Mạch lạc trong diễn ngôn** | - Nhớ và hiểu được khái niệm về mạch lạc.  - Có thể phân biệt hai khái niệm mạch lạc và liên kết.  - Nhận diện được các biểu hiện của mạch lạc trong diễn ngôn.  - Biết cách phân loại và tự cấu tạo được các trường hợp có mạch lạc. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và thực hành theo yêu cầu của GV | Q1: 73 - 91 |
| 8 | **Mạch lạc trong diễn ngôn (tiếp)** | -Nắm được mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa các từ trong câu là gì. Những biểu hiện trong diễn ngôn như thế nào.  - Hiểu được hiện tượng mạch lạc biểu hiện trong quan hệ giữa đề tài – chủ đề của các câu  - Hiểu và biết cách phân tích hiện tượng mạch lạc biểu hiện trong phần nêu đặc trưng ở các câu có quan hệ về nghĩa với nhau.  - Hiểu và biết cách phân tích hiện tượng mạch lạc biểu hiện trong trật tự hợp lý giữa các câu.  - Hiểu và biết cách phân tích hiện tượng mạch lạc biểu hiện trong quan hệ của từ ngữ với tình huống bên ngoài văn bản. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và thực hành theo yêu cầu của GV | Q4: tr. 68 – 78. Bài tập số 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8 tr. 79 -88. |
| 9 | **Cấu tạo đoạn văn** | - Hiểu được vai trò và vị trí của của đoạn văn trong cấu tạo hình thức của diễn ngôn.  - Nắm được các đặc điểm của đoạn văn trong các kiểu loại diễn ngôn khác nhau.  - Nắm được các nguyên tắc cơ bản trong việc cấu tạo đoạn văn:  + Nguyên tắc thay đổi thông số  + Nguyên tắc theo sự cân xứng về độ dài.  +Nguyên tắc nhấn mạnh.  - Hiểu được khái niệm câu chủ đề là gì.  -Hiểu được vị trí và chức năng câu chủ đề trong đoạn văn.  - Biết cách ứng dựng để xây dựng đoạn văn theo một số kiểu loại cấu trúc tiêu biểu. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Đọc tài liệu và làm bài tập theo yêu cầu của GV | Q3: 99 -110. Bài tập 1,2 tr. 107 – 108 và 1, 2 tr110 |
| 15 | ***Công bố điểm giữa kỳ; Hướng dẫn ôn tập*** | | | | |

**7. Chính sách đối với môn học**

* Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của sinh viên được ghi trong môn học
* Tham dự lớp học đầy đủ (không nghỉ quá 20 % số giờ).
* Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.
* Vi phạm các qui định sẽ bị trừ điểm thành phần.

.

**9. Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá môn học**

**9.1. Hình thức kiểm tra và trọng số**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *TT* | *Hình thức kiểm tra* | *Nội dung kiểm tra* | *Trọng số* |
| 1. | Kiểm tra đánh giá thường xuyên | - Tham gia lớp học, thái độ học tập.  - Công việc chuẩn bị ở nhà cho bài học | 10% |
| 2 | Kiểm tra định kì | - Các nội dung thông báo trước | 30% |
| 3. | Thi hết môn | - Các nội dung chính của môn học. | 60% |
|  | ***Điểm môn học*** |  | ***100%*** |

**9.2.  *Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, bài kiểm tra***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Loại bài tập/kiểm tra* | *Tiêu chí đánh giá* |
| 1. | Bài tập | 1. Nội dung đáp ứng yêu cầu của bài tập.  2. Hình thức trình bày rõ ràng, khoa học.  3. Có bằng chứng đã làm tư liệu và đọc tài liệu. |
| 2. | Thảo luận nhóm | 1. Nội dung chuẩn bị đáp ứng yêu cầu của phần tham gia thảo luận.  2. Hình thức trình bày miệng rõ ràng, khoa học.  3. Có bằng chứng đã làm tư liệu và đọc tài liệu.  4. Có bằng chứng là kết quả làm việc theo nhóm. |
| 3. | Bài kiểm tra / thi | Đánh giá theo yêu cầu cụ thể của đáp án |

**9.3. *Tiêu chí đánh giá các loại bài tập***

Bài tập viết ở nhà của cá nhân

* Loại bài tập này dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn theo một nội dung hoặc kiểm tra khả năng nắm bắt, ứng dụng một cách thức phân tích nhất định.
* Hình thức thực hiện: Viết giản dị, trích dẫn hợp lệ (nếu có), không dài quá 3 trang A4).
* Ngoài ra, tuỳ loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

Loại bài tập làm chung theo nhóm (nếu giảng viên có yêu cầu)

* Ngoài những yêu cầu như trên đây về mặt nội dung của bài tập cá nhân, phải có thuyết minh về công việc của nhóm làm việc theo mẫu sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA NHÓM

Tên của vấn đề nghiên cứu……

1) Danh sách nhóm sinh viên và các nhiệm vụ được phân công.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **Ghi chú** |
| 1. | ….. | …… | (Nhóm trưởng) |
| 2. | ….. | …… | …… |

2) Quá trình làm việc của nhóm.

3) Nội dung, kết quả nghiên cứu.

**9.4. Hệ thống chủ đề ôn tập và các câu hỏi phục vụ việc kiểm tra, đánh giá:** (Sẽ bổ sung sau)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Lãnh đạo CTĐT*** |  | ***Giảng viên*** |